TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2018/DS-ST
Ngày: 22 - 6 - 2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Lệ**

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: **Ông Trương Minh Quan** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 03 năm 2017 về "**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị C**, sinh năm 1956 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số 198/7/5 đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Trần Trung K** *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 371/8/5 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng: **Ông Lâm Hồng V**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 189 đường, phường, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:**

Do bà C bán quán ăn uống kế Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) nơi ông Trần Trung K làm việc nên quen biết nhau. Vào ngày 08/4/2013, Ông K có mượn của bà số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* để đáo hạn cho khách hàng vay tiền tại

Ngân hàng của Ông K làm việc; Ông K hẹn sẽ trả lại đủ tiền vào ngày 09/4/2013 và viết biên nhận ngày 08/4/2013 giao cho bà giữ. Tuy nhiên, Ông K không trả được tiền cho bà như đã hứa, đến ngày 08/7/2013 Ông K chỉ trả được 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* và viết giấy hẹn ngày 08/7/2013 hẹn đến cuối tháng 7/2013 sẽ trả thêm cho bà 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* cùng tiền lãi của tháng 6/2013; đến hẹn Ông K vẫn không trả được tiền cho bà như đã hứa. Sau đó bà yêu cầu Ông K trả dần số tiền gốc còn lại 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* cho bà, Ông K viết biên nhận ngày 09/5/2015 chốt lại số tiền còn nợ bà là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* và nhờ bạn Ông K là ông Lâm Hồng V chứng kiến việc hai bên chốt nợ và việc Ông K thỏa thuận trả dần nợ gốc; sau đó Ông K trả dần nhiều lần cho bà được thêm 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* nợ gốc, còn lại 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* Ông K tiếp tục viết biên nhận ngày 14/9/2015 chốt nợ và cam kết trả dần nợ vay dứt điểm vào tháng 12/2015; bà cũng đồng ý theo kế hoạch trả nợ của Ông K. Tuy nhiên đến tháng 12/2015 Ông K chỉ trả thêm được 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*; còn lại 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* đến nay vẫn chưa thanh toán dứt điểm cho bà; bà nhiều lần tìm gặp Ông K yêu cầu trả tiền nhưng Ông K cố tình trốn tránh, bà chỉ nói chuyện được với Ông K qua điện thoại, sau đó Ông K nghỉ việc ở ngân hàng và cũng cắt liên lạc với bà, cố tình không trả tiền.

Vì vậy bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Trung K phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* và tính lãi suất kể từ tháng 12/2015 cho đến nay. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà C xác định chỉ yêu cầu Ông K trả lại 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* nợ gốc, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà C xác nhận việc cho vay tiền do cá nhân bà C và Ông K trực tiếp thỏa thuận, giao dịch với nhau, không liên quan đến người nào khác; riêng ngày 09/5/2015 có mặt ông Lâm Hồng V chứng kiến việc Ông K chốt số tiền còn nợ và thỏa thuận kế hoạch xin trả dần với bà. Bà C xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu cá nhân ông Trần Trung K chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền vay gốc còn lại là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*; không liên quan và không yêu cầu trách nhiệm liên đới của người nào khác; ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

*** Đối với bị đơn ông Trần Trung K:** Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của Ông K và lập thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay theo quy định pháp luật, tuy nhiên Ông K không có mặt và không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ông Trần Trung K vắng mặt.

*** Người làm chứng ông Lâm Hồng V trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2018, được tóm tắt như sau:**

Ông V là bạn của ông Trần Trung K, vào ngày 09/5/2015 Ông K có nhờ ông V chứng kiến việc Ông K thỏa thuận trả nợ dần cho bà C. Biên nhận ngày 09/5/2015 ông V trực tiếp viết nội dung xác nhận và ký tên phía dưới với tư cách người làm chứng, chứng kiến việc Ông K nhận nợ và thỏa thuận việc trả nợ cho bà C cụ thể theo nội dung ghi trong biên nhận; còn việc cho vay tiền trước đó cũng như việc trả tiền giữa bà C và Ông K như thế nào ông không biết, không chứng kiến; ngoài ra ông biết hiện nay Ông K vẫn sinh sống tại địa chỉ số 371/8/5 đường, phường, thành phố, tỉnh Kiên Giang. Đồng thời ông V xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn xét xử; diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Trung K trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vay gốc 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện đối với bị đơn ông Trần Trung K; địa chỉ cư trú tại: Số 371/8/5 đường L, phường, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; yêu cầu trả số tiền vay gốc còn nợ lại là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi suất. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn ông Trần Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Trung K.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C cho rằng giữa bà và ông Trần Trung K là chỗ quen biết nên Ông K có vay của bà C số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* để đáo hạn hồ sơ nợ vay cho khách hàng của Ông K. Ông K có viết biên nhận nợ ngày 08/4/2013 hẹn sẽ trả lại số tiền trên cho bà C vào ngày 09/4/2013, không ghi lãi suất thỏa thuận trong biên nhận. Tuy nhiên, bà C xác định Ông K không trả tiền

cho bà như đã thỏa thuận; bà C nhiều lần yêu cầu Ông K trả tiền thì đến ngày 08/7/2013 Ông K trả được 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*; sau khi viết biên nhận ngày 09/5/2015 có sự chứng kiến của ông Lâm Hồng V, Ông K trả nhiều lần được thêm 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng);* sau khi viết biên nhận ngày 14/9/2015 thỏa thuận trả dần nợ gốc dứt điểm vào tháng 12/2015, Ông K tiếp tục trả nhiều lần cho bà được thêm tổng cộng 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng),* còn lại 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng Ông K vẫn cố tình trốn tránh không trả cho bà. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu Ông K phải trả cho bà số tiền vay gốc còn lại là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng),* không yêu cầu tính lãi suất; ngoài ra không liên quan và không yêu cầu người nào khác chịu trách nhiệm liên đới cùng Ông K trả số tiền này cho bà.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn về việc cho ông Trần Trung K vay số tiền gốc 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* vào ngày 08/4/2013, về quá trình hai bên thỏa thuận cho Ông K thanh toán nợ vay nhiều lần, về tổng số tiền Ông K đã trả được cho bà C đến tháng 12/2015 là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* và số tiền vay gốc còn nợ lại đến thời điểm hiện nay là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do bà C cung cấp, cụ thể là các biên nhận viết tay đề ngày 08/4/2013, ngày 08/7/2013, ngày 07/4/2014, ngày 09/5/2015, ngày 14/9/2015 do chính Ông K viết và ký tên. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định giao dịch vay tài sản phát sinh vào ngày 08/4/2013 giữa bà C và Ông K là có thật và số tiền vay gốc Ông K còn nợ bà C đến thời điểm hiện nay chưa thanh toán là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay Ông K không có mặt theo triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C cũng như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản nợ bà C yêu cầu thanh toán hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của bà C và các chứng cứ do bà C cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Qua xem xét, đánh giá, Hội đồng xét xử nhận định hợp đồng vay tài sản giữa bà C và Ông K được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, Ông K đã nhận đủ tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận, tính đến tháng 12/2015 chỉ trả được cho bà C nợ gốc 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, còn lại 50.000.000

đồng *(Năm mươi triệu đồng)* đến nay chưa thanh toán. Do đó căn cứ điều 471, điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Ông K phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay gốc còn nợ lại là phù hợp pháp luật.

Về phần lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà C xác định chỉ yêu cầu Ông K trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, buộc ông Trần Trung K trả cho bà C số tiền vay gốc 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: (50.000.000 đồng x 5%) = 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Trần Trung K.

Buộc ông Trần Trung K trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vay gốc **50.000.000 đồng** *(Năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông K không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho bà C khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Trung K phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là **2.500.000 đồng** *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C **1.250.000 đồng** *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0003373 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/6/2018). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến